TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 255/2019/QĐST-HNGĐ	*Lạng Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 283 /2019/TLST-HNGĐ ngày 24/07/2019, giữa:

***** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1985.

ĐKHKTT: Thôn M, xã Th, huyện C, tỉnh Bắc Giang .

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đức T- Luật sư Công ty luật TNHH Minh Anh - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn M, xã Th, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1 . Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1961.

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1963

Đều địa chỉ: Thôn MM, xã Th, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

3. Ủy ban nhân dân xã Th

Căn cứ vàoĐiều Điều; 212, Điều 213 và Điều 147; Điều 257; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 212 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 42; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ch và anh Đỗ Văn L thuận tình ly hôn.

[2].Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

1. Đỗ Văn Q , sinh ngày 10/04/2007.

2. Đỗ Thị Kiều O , sinh ngày 05/05/2011.

3. Đỗ Như Q, sinh ngày 13/05/2013.

Ly hôn vợ chồng thỏa thuận, chị Ch được nuôi 01 con là Đỗ Như Q , sinh ngày 13/05/2013, anh L nuôi con Đỗ Văn Q , sinh ngày 10/04/2007 và con Đỗ Đỗ Thị Kiều O , sinh ngày 05/05/2011.

- Sau khi ly hôn chị Ch, anh L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở chị Ch, anh L thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự thỏa thuận trong thời gian chị Ch về làm dâu phát sinh được một số tài sản: Năm 2013 mua của thôn 01 mảnh đất diện tích đất 118,87m2 đất (hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhân QSD đất). Năm 2017 có xây được 01 nhà cấp 04 loại 1 diện tích 89.96m2, 01 ki ốt trước nhà diện tích 22,36m2, đã được hội đồng định giá là 325.405.000đồng.

Các đương sự thỏa thuận như sau:

1.Ông Đỗ Văn S bà Hà Thị T trích chi công sức cho chị Nguyễn Thị Ch trong khối tài sản chung của gia đình có được trong thời gian chị Ch làm dâu số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Chị Nguyễn Thị Ch được nhận của ông Đỗ Văn S bà Hà Thị T số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Ông Đỗ Văn S bà Hà Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng: 01 nhà cấp 04 loại 1 diện tích 89.96m2, 01 ki ốt trước nhà diện tích 22,36m2 trên diện tích đất 118,87m2 mua của thôn Mỹ năm 2013 tại địa chỉ: thôn Mỹ xã Th, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, trị giá 225.405.000đồng.

Tạm giao cho ông Đỗ Văn S và Hà Thị T tiếp tục sử dụng trên diện tích đất 118,87m2 mua của thôn Mỹ năm 2013 tại địa chỉ: thôn M xã Th, huyện C, tỉnh Bắc Giang (hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhân QSD đất).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm Tơng ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ch chịu 2.500.000đồng chi phí định giá, thẩm định tài sản, chị Ch đã nộp đủ số tiền chi phí định giá, thẩm định.

Ông Đỗ Văn S bà Hà Thị T chịu 2.500.000đồng chi phí định giá, thẩm định tài sản (số tiền này chị Nguyễn Thị Ch đã nộp). Ông S, bà T phải thanh toán số tiền 2.500.000đồng chi phí định giá, thẩm định tài sản cho chị Ch.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải xin chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 2.500.000đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền

10.300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0007022 ngày 19/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Hoàn trả chị Nguyễn Thi Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.650.000đồng tiền án phí đã nộp.

Xác nhận chị Ch đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản.

Ông Đỗ Văn S bà Hà Thị T phải chịu 5.563.000đồng tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thu Hà